TÒA ÁN NHÂN DÂN **QUẬN CÁI RĂNG,** **THÀNH PHỐ CẦN THƠ**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 30/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 31/3/2023
Về việc "tranh chấp ly hôn, nuôi con, cấp dưỡng nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN CÁI RĂNG, THÀNH PHỐ CẦN THƠ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Minh Mẫn.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Phạm Văn Vĩ.

2. Ông Nguyễn Văn Sang.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hoài Anh - Thư ký Tòa án nhân dân quận Cái Răng, thành phố Cần Thơ.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Cái Răng tham gia phiên tòa: Bà Võ Thị Nhu - Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 3 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Cái Răng tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 15/2023/TLST-HNGĐ ngày 18 tháng 01 năm 2023 về việc "tranh chấp ly hôn, nuôi con và cấp dưỡng nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 110/20233/QĐXXST-HNGĐ ngày 27 tháng 01 năm 2023, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Trần Thị Thanh Tr (Có mặt).

Địa chỉ: Ấp MTh, xã MKh, huyện PhĐ, thành phố C.

Bị đơn: Ông Lê Hoàng Nh (Vắng mặt).

Địa chỉ: Khu vực 1, phường HTh, quận C, thành phố C.

Người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn: Bà Trần Dương Yến Nh là luật sư Công ty luật C & Cộng sự thuộc Đoàn luật sư thành phố Cần Thơ (Có mặt).

Địa chỉ: Đường Nguyễn Văn C, phường AKh, quận N, thành phố C.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Tr trình bày và yêu cầu: Bà và ông Nh quen biết nhau, qua thời gian tìm hiểu tự nguyện tiến tới hôn nhân, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Hưng Thạnh, quận Cái Răng, thành phố Cần Thơ vào ngày 19/12/2012. Thời gian chung sống ông bà có 01 con chung tên Lê Trần Anh K (Nam), sinh ngày 11/6/2013. Thời gian đầu sống với nhau hạnh phúc nhưng dần về sau do cách sống, cách suy nghĩ trong cuộc sống hằng ngày không phù hợp, thường xuyên có những tranh cãi dẫn đến mâu thuẫn và có khoảng thời gian sống ly thân từ năm 2013 đến nay. Xét thấy trong đời sống hôn nhân hằng ngày ông Nh thường xuyên xúc phạm bà, có nhiều mối quan hệ ngoài hôn nhân và công khai cho bà biết. Thấy rằng hôn nhân của ông bà đã không còn hạnh phúc, không còn tình nghĩa vợ chồng nên không thể tiếp tục duy trì. Bà yêu cầu ly hôn với ông Nh, tiếp tục nuôi con, yêu cầu cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.500.000 đồng cho đến khi con đủ 18 tuổi. Tài sản chung, nợ chung không có, không yêu cầu xem xét.

Quá trình giải quyết vụ án ông Nh vắng mặt nên không ghi nhận được lời khai.

Cháu K trình bày nguyện vọng: Trước nay cháu được mẹ chăm sóc, nuôi dưỡng nên muốn tiếp tục được chung sống với mẹ.

Tại phiên tòa, bà Tr vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, riêng mức cấp dưỡng bà yêu cầu còn 750.000 đồng/tháng tính từ ngày 01/4/2023. Từ khi Tòa án thụ lý, giải quyết vụ án đến nay thông qua gia đình ông Nh bà đã thông báo cho ông biết nhưng ông vẫn không quan tâm, bỏ mặc, không có ý định hàn gắn. Số tiền cấp dưỡng bà yêu cầu chỉ mang tính tượng trưng mặc dù vẫn biết ông không hề thực hiện vì từ khi sinh cháu ra đến nay ông Nh bỏ mặc không quan tâm, chăm sóc cũng không hỗ trợ được phần nào chi phí phụ bà nuôi con. Ông Nh vắng mặt.

Người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp cho bà Tr trình bày: Căn cứ vào các tài liệu do bà Tr cung cấp chứng minh được ông bà là vợ chồng có đăng ký kết hôn theo quy định, đây là hôn nhân hợp pháp nên quyền lợi của bà Tr và ông Nh được luật Hôn nhân và gia đình bảo vệ. Việc ông bà ly thân từ năm 2013 đến nay không hàn gắn được, ông cũng bỏ mặc hôn nhân nên có căn cứ chấm dứt hôn

nhân. Về phần cháu K từ nhỏ đến lớn được bà Tr chăm sóc, nuôi dưỡng, cháu cũng có nguyện vọng ở với mẹ nên giao cháu cho bà Tr tiếp tục nuôi dưỡng là phù hợp quy định của pháp luật và yêu cầu ông Nh cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 750.000 đồng tính từ ngày 01/4/2023 đến khi cháu đủ 18 tuổi là tự nguyện, phù hợp quy định pháp luật nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Tr. Ghi nhận ông bà không có tài sản chung, nợ chung. Sau này nếu có tranh chấp sẽ giải quyết thành vụ kiện khác.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và đương sự: Giai đoạn chuẩn bị xét xử và tại phiên tòa, Thẩm phán, Thư ký tòa án cũng như Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và đương sự thực hiện đúng theo quy định tại các Điều 28, 35, 39, 68, 93, 96, 97, 179, 195, 196 và 203 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Tòa án xác định đúng quan hệ pháp luật tranh chấp. Căn cứ hồ sơ vụ án, các tài liệu, chứng cứ đã được Hội đồng xét xử xem xét, thẩm tra thấy rằng bà Tr thời gian ông bà ly thân đã lâu, ông Nh không làm tròn trách nhiệm của người chồng người cha với lại tình cảm yêu thương, hạnh phúc hôn nhân đã không trọn vẹ từ lâu nên cuộc hôn nhân này không thể tiếp tục duy trì mà cần phải chấm dứt. Nguyện vọng cháu K phù hợp yêu cầu của bà Tr nên giao bà tiếp tục nuôi dưỡng. Tại phiên tòa bà Tr chỉ yêu cầu cấp dưỡng 750.000 đồng phù hợp với quy định pháp luật. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Tr theo quy định tại Khoản 1 Điều 56, Điều 58 Luật Hôn nhân và Gia đình. Tài sản chung và nợ chung vợ chồng ghi nhận lời trình bày không có, nếu sau này có phát sinh sẽ được giải quyết thành vụ án khác.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các văn bản, tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Bà Tr với ông Nh là vợ chồng có đăng ký kết hôn theo luật định, từ khi ông bà có con chung thì sống ly thân, từ đó đến nay ông Nh không quan tâm chăm sóc, hỗ trợ nuôi con chung và cũng không còn duy trì hạnh phúc gia đình, đời sống hôn nhân vợ chồng không thể hàn gắn. Theo yêu cầu của bà, Hội đồng xét xử xác định quan hệ pháp luật tranh chấp ly hôn, nuôi con chung và cấp dưỡng

nuôi con để giải quyết theo thẩm quyền quy định tại Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a Khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Theo tinh thần của Luật Hôn nhân và gia đình, một trong những nguyên tắc cơ bản của chế độ hôn nhân và gia đình là vợ chồng phải có nghĩa vụ thương yêu, cùng nhau chung sống, xây dựng gia đình ấm no, hạnh phúc; các thành viên gia đình có nghĩa vụ quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau, cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình. Theo lời khai thấy rằng những xung đột trong đời sống vợ chồng vợ chồng là có dẫn đến thời gian ly thân đã lâu. Quá trình giải quyết tại Tòa án ông đều vắng mặt chứng tỏ ông bỏ mặc, không hề quan tâm tới bà Tr và cháu K nên Hội đồng xét xử xét thấy tình trạng hôn nhân của ông bà đã thật sự trầm trọng, không thể tiếp tục duy trì. Do đó, yêu cầu ly hôn của bà có căn cứ chấp nhận theo quy định tại Khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình.

[3] Xét yêu cầu nuôi con: Bà Tr nuôi dưỡng, chăm sóc cháu K từ khi mới sinh đến nay, cháu cũng có nguyện vọng chung sống với bà. Căn cứ quy định tại Khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và Gia đình việc giao cháu K cho bà tiếp tục nuôi dưỡng là phù hợp. Tuy ông Nh không trực tiếp nuôi con nhưng ông có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được quyền ngăn cản theo quy định tại Điều 58 Luật Hôn nhân và Gia đình.

[4] Về cấp dưỡng: Cấp dưỡng là nghĩa vụ của cha mẹ không trực tiếp nuôi con. Theo lời khai của bà Tr việc ông Nh không quan tâm chăm sóc con, hỗ trợ chi phí nuôi con là thoái thác trách nhiệm của mình. Mặc dù không có căn cứ cụ thể xác định ông Nh có thu nhập để cấp dưỡng nhưng việc buộc ông cấp dưỡng là cần thiết vì sự phát triển bình thường của cháu và cũng thể hiện trách nhiệm của người cha đối với con. Việc yêu cầu ông Nh cấp dưỡng nuôi con 750.000 đồng/tháng tính từ ngày 01/4/2023 tuy ít so với điều kiện sống, mức sống hiện tại nhưng đây là sự tự nguyện định đoạt của bà Tr nên có căn cứ chấp nhận theo quy định tại Điều 5 Bộ luật Tố tụng dân sự, Điều 107 Luật Hôn nhân và Gia đình.

[5] Ghi nhận lời trình bày của ông bà về việc không có tài sản chung, nợ chung. Trường hợp sau này có tranh chấp sẽ được giải quyết thành vụ kiện khác.

[6] Về án phí: Bà Tr phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định tại Khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng đã nộp theo Biên lai số 0008877 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Cái Răng, bà Tr không phải nộp thêm. Ông Nh phải

chịu án phí cấp dưỡng nuôi con 300.000 đồng theo quy định tại Khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Điều 5, Khoản 1 Điều 28, điểm a Khoản 1 Điều 35, điểm a Khoản 1 Điều 39, Khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015;

Khoản 1 Điều 56, Điều 58, Khoản 2 Điều 81, Điều 107 Luật Hôn nhân và Gia đình.

Khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện bà Trần Thị Thanh Tr.

Về hôn nhân: Bà Trần Thị Thanh Tr ly hôn với ông Lê Hoàng Nh.

Về con: Giao cháu Lê Trần Anh K (Nam), sinh ngày 11/6/2013 cho Trần Thị Thanh Tr trực tiếp nuôi dưỡng. Ông Lê Hoàng Nh cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 750.000 đồng, thời gian cấp dưỡng tính từ ngày 01/4/2023 cho đến khi cháu K đủ 18 tuổi.

Ông Lê Hoàng Nh có quyền, nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung không ai được quyền ngăn cản.

Về tài sản, nợ: Ghi nhận lời trình bày ông bà không có tài sản chung, nợ chung. Trường hợp sau này có tranh chấp sẽ được giải quyết thành vụ kiện khác.

Về án phí: Bà Trần Thị Thanh Tr phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, khấu trừ hết vào số tiền đã tạm ứng án phí 300.000 đồng theo Biên lai số 0008877 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Cái Răng, bà Tr không phải nộp thêm. Ông Lê Hoàng Nh phải chịu 300.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con, nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự quận Cái Răng, thành phố Cần Thơ.

Các đương sự được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đối với đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn

15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết tại địa phương nơi cư trú.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2014); thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2014).

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- Tòa án nhân dân Tp. Cần Thơ;
- Viện kiểm sát nhân dân Tp. Cần Thơ;
- Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp;
- Chi cục THADS Q. Cái Răng;
- UBND P. Hưng Thạnh;
- Lưu: H. Anh, hồ sơ vụ án (TC: 12).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

(Đã ký)

Nguyễn Minh Mẫn